

Bản án số: 47/2018/HSST
Ngày: 21-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 02/11/2018 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HS ngày 07/11/2018, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: V; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 07/5/1998 tại Đ; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông C, sinh năm 1967 và bà Th, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2/ Họ và tên: H; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 24/4/1995 tại Đ; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông C, sinh năm 1967 và bà Th, sinh năm 1972; vợ L, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Ông Ch, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ; có mặt.

- Người có quyền lợi liên quan: Bà T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/8/2018, V đi tìm bò thì nhìn thấy rẫy nhà ông Ch tại tổ dân phố 01, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ có trồng một số cây vải nhỏ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, V rủ anh trai là H cùng đi trộm cây vải nhà ông Ch thì H đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, V mang theo 01 (một) cái xẻng và cùng H đi đến rẫy nhà ông Ch. Khi đến nơi, V để xẻng lại một bên hàng rào và cùng H đi vào rẫy nhà ông Ch dùng tay không bắt đầu nhổ trộm cây vải. Do trời tối nên H, V thấy cây nào còn nhỏ thì dùng tay nhổ và ôm vào người; mỗi lần nhổ được khoảng 10 (mười) cây thì V, H mang ra chỗ khu vực hàng rào nơi có xẻng để gom lại chuyển về nhà. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày thì H, V không nhổ nữa và thống nhất H ở lại trông cây, còn V ôm cây về nhà mẹ đẻ là bà Th, tại tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ để cất giấu. V ôm cây về hai lượt, đến lượt thứ ba thì H cùng ôm cây và mang xẻng về nhà cùng V. Khi về đến nhà thì V, H phát hiện đã nhổ cả cây vải và cây sầu riêng trong rẫy nhà ông Ch.

Đến khoảng 05 giờ ngày 18/8/2018, H dùng 01 (một) đoạn dây thừng, 01 (một) đoạn dây cao su và 01 (một) bao (loại bao bố đựng gạo) buộc toàn bộ số cây trộm cắp được lên xe mô tô nhãn hiệu BOSS biển kiểm soát (BKS) 48F5 – 3775 chở đến rẫy của mẹ đẻ Th tại thôn 04, xã Tr, huyện C, tỉnh Đ để cất giấu rồi quay trở lại về nhà. Đến khoảng 08 giờ ngày 18/8/2018, H đi đến rẫy tại thôn 04, xã Tr, huyện C, tỉnh Đ để đào hố và trồng cây vừa trộm được lên đất rẫy; khi trồng được khoảng 17 (mười bảy) cây thì bà Th gọi điện nói về nhà. Lúc này, H lo sợ bị phát hiện nên nhổ hết toàn bộ số cây vừa trồng được lên và cùng với số cây còn lại chưa trồng ném xuống giếng rẫy nhà ông Th và ao nước trong rẫy nhà ông H sát bên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường tại khu vực đất rẫy nhà ông Ch tại tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ, phát hiện: Đất rẫy nhà ông Ch có diện tích khoảng 7.000m², được trồng chủ yếu là cây vải và cây sầu riêng; các hố trồng cây vải và cây sầu riêng đều có miệng hố hình chữ nhật, kích thước trung bình khoảng (1,2 x 1,4)m. Các hố trồng cây vải có đáy hố hình tròn, đường kính trung bình khoảng 30cm; cây vải trong vườn có chiều cao trung bình (tính từ mặt đất) khoảng 90cm, đường kính gốc trung bình khoảng 1,5cm. Các hố trồng cây sầu riêng có đáy hố hình tròn, đường kính trung bình khoảng 20cm; cây sầu riêng trong vườn có chiều cao trung bình (tính từ mặt đất) khoảng 35cm, đường kính gốc trung bình khoảng 0,5cm. Trong khu vực đất rẫy nhà ông Chiến phát hiện có tổng cộng 80 (tám mươi) hố có đáy hố hình tròn, đường kính đáy hố trung bình khoảng 30cm; 15 (mười lăm) hố có đáy hố hình tròn, đường kính đáy hố trung bình khoảng 20cm; tất cả các hố này đều có dấu vết đất bị rơi rớt xung quanh đáy hố còn mới, không có cây trong hố.

Kết quả khám nghiệm hiện trường tại khu vực đất rẫy nhà bà Th, thôn 04, xã Tr, huyện C, tỉnh Đ, phát hiện: Khoảng giữa khu vực rẫy nhà bà Th có 01 (một) chòi rẫy; cách chòi rẫy 25m về hướng Nam có 17 (mười bảy) hố đất dạng hình tròn, đường kính trung bình khoảng 80cm, bên trong hố đất có vết đất còn mới. Mở rộng khu vực khám nghiệm, phát hiện cách chòi rẫy nhà bà Th 80m về hướng N có 01 (một) cái ao nước

(thuộc phần đất rẫy nhà ông H), phía Tây Bắc của ao nước có 08 (tám) cây vải và 10 (mười) cây sầu riêng nằm vương vãi trên bờ ao và cả dưới ao; cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; cây sầu riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm. Tiếp tục mở rộng khu vực khám nghiệm, phát hiện 01 (một) giếng nước (thuộc phần đất rẫy nhà ông Thái) giáp với khu vực đất rẫy nhà bà Thúy về hướng Bắc, có đường kính khoảng 1,3m và sâu khoảng 4,2m; đáy giếng không có nước, phát hiện tại đáy giếng có 32 (ba mươi hai) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: V và H đã trộm cắp của nhà ông Ch tổng cộng 80 (tám mươi) cây vải thiều (có kích thước: đường kính thân cây trung bình khoảng 02cm, cao trung bình khoảng 120cm, cây trồng mới 01 năm) và 15 (mười lăm) cây sầu riêng ghép (có kích thước: đường kính thân cây trung bình khoảng 0,5cm, cao trung bình khoảng 45cm, cây trồng mới, loại A). Số cây này do ông CH mua của ông T (cây sầu riêng với giá là 40.000đ/cây và cây vải có giá 50.000đ/cây) và bắt đầu trồng tại rẫy được khoảng 15 ngày.

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 40 (bốn mươi) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; 10 (mười) cây sầu riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSS BKS 48 F5 - 3775 và 01 (một) cái xêng là của bà Th (SN: 1972, trú tại: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ); bà Th không biết việc V, H sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút không tiến hành thu giữ.

Đối với 01 (một) đoạn dây thừng, màu vàng, dài khoảng 06m; 01 (một) đoạn dây cao su màu đen, dài khoảng 01m; 01 (một) bao màu xanh (loại bao bố đựng gạo); H đã ném lại trên khu đất rẫy nhà Th; Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 06/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận:

- 80 (tám mươi) cây vải thiều, đường kính thân cây trung bình khoảng 02cm, cao trung bình khoảng 120cm, cây trồng mới một năm, có giá 3.680.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- 15 (mười lăm) cây sầu riêng ghép, đường kính thân cây trung bình khoảng 0,5cm, cao trung bình khoảng 45cm, cây trồng mới, loại A, có giá 1.012.500đ (Một triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra xác định được: 40 (bốn mươi) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; 10 (mười) cây sầu riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm là của ông Ch (SN: 1974, trú tại: Tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ). Ngày 17/9/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Ch là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo V và H đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại ông Ch số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Hiện bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho V và H.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo V và H như tại bản Cáo trạng số 48/Ctr-VKS ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo V và H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng trả lại 40 (bốn mươi) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; 10 (mười) cây sào riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm cho ông Ch là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc các bị cáo V, H và gia đình đã bồi thường cho người bị hại ông Ch số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Ông Chiến không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không bào chữa, tranh luận gì mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Đối với hành vi của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác tại Cơ quan điều tra cơ bản phù hợp với nhau, do đó HĐXX có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng từ 19 giờ đến 21 giờ ngày 17/8/2018, tại khu vực đất rẫy nhà ông Ch tại tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ; V và H đã có hành vi trộm cắp 80 (tám mươi) cây vải thiều và 15 (mười lăm) cây sào riêng ghép, có tổng giá trị 4.692.500đ (Bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được quyền đối với tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích để trồng trên đất của mình nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích và biết tôn trọng pháp luật và đủ sức răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; có hộ khẩu và nơi cư trú ổn định tại địa phương; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao cho UBND thị trấn E giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và góp phần giáo dục, tuyên truyền chung tại địa phương. Xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể nên vị trí vai trò tương đương nhau, không cần phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã trả lại 40 (bốn mươi) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; 10 (mười) cây sầu riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm. cho ông Ch là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSS BKS 48 F5 - 3775 và 01 (một) cái xêng là của bà Nguyễn Thị Thúy, tuy nhiên bà Th không biết các bị cáo V và H sử dụng vào mục đích phạm tội nên chấp nhận không xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận các bị cáo V, H đã tác động gia đình bồi thường cho ông Ch 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), ông Ch không yêu cầu bồi thường thêm nên chấp nhận không xem xét.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; Điều 46; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Tuyên bố các bị cáo V và H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo V 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo V và H cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ là nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo V và bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút trả lại 40 (bốn mươi) cây vải có chiều dài trung bình 120cm, đường kính thân trung bình 02cm; 10 (mười) cây sầu riêng có chiều dài trung bình 45cm, đường kính gốc trung bình 0,5cm cho ông Ch là chủ sở hữu hợp pháp.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận các bị cáo V, H đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

[4]. Về án phí: Buộc các bị cáo H và V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn E;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Trúc linh

